

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 179/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung
giữa chị Liên và anh Trường”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà
Bà Đoàn Thị Diệu

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – N sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 118/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị L, sinh ngày 02/10/1993;
Số CCCD: 036193021494

Nơi ĐKKHKT: Thôn G, xóm H, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện tại: Thôn Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/9/1991;
Số CCCD: 036091022555

Địa chỉ: Thôn G, Xóm H, xã N, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/3/2026 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc T đã kết hôn ngày 17/7/2013 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng ngày 20 – 12 – 2025, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không muốn ở cùng với nhau nữa. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 10 – 01 – 2026. Cho đến nay, chị L đã xác định tình cảm vợ chồng đã thực

sự đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung là Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 06-02-2014 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 21-01-2017. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải Đ. Hiện nay con chung đang ở cùng anh T và ông bà nội. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đề nghị giao cháu Nguyễn Vinh Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện tại, chị đang làm ở công ty A (địa chỉ tại xã C, tỉnh Ninh Bình) với thu nhập khoảng 9 triệu đồng/ tháng, đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L xác nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Quốc T có lời khai phù hợp với lời khai của chị L về thời gian vợ chồng kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 02 năm 2026 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn nên nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh T có lời khai thống nhất với chị L về con chung. Hiện nay, cả hai con chung đang ở cùng với anh. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu Nguyễn Vinh Q và cháu Nguyễn Hải Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Hiện nay, anh T đang làm lao động tự do tại Hà Nội, thu nhập khoảng 20 triệu đồng/ tháng và thường xuyên về nhà. Anh xác định đủ khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T có lời khai thống nhất với lời khai của chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của chị L và anh T tại địa phương, đại diện Ủy ban nhân dân xã N cho biết: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1993 và anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1991 có đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2013 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình). Chị L và anh T có hai con chung là Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 06-02-2014 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 21-01-2017 có đăng ký khai sinh tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cũ (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình). Về mâu thuẫn gia đình giữa chị L và anh T trong quá trình chung sống tại địa phương như thế nào, nguyên nhân từ đâu địa phương không nắm rõ do các đương sự không đề nghị hòa giải tại cơ sở mà nộp đơn trực tiếp tại Tòa án theo quy định, địa phương không nắm được thu nhập của các đương sự do các đương sự không thuộc diện phải kê khai thu nhập.

Tại phiên tòa:

Chị L ý kiến: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Hải Đ vì chị nhận thấy chị có đầy đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Anh T ý kiến: Anh nhất trí ly hôn và anh có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu Q và cháu Đ vì anh nhận thấy anh có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Quốc T.

Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao cháu Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 06 – 02 - 2014 cho anh Nguyễn Quốc T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 21 – 01 - 2017 cho chị Đặng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Các đương sự đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Quốc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (nay là xã N, tỉnh Ninh Bình) ngày 17 tháng 7 năm 2013. Vì vậy, đây là cuộc

hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc, nguyên nhân là do cuộc sống chung nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã có thời gian hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2026 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, anh T nhất trí ly hôn với chị L. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

[4] *Về con chung chưa thành niên*: Anh chị xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 06-02-2014 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 21-01-2017. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hải Đ, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung vì anh nhận thấy anh có đầy đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Căn cứ điều kiện hoàn cảnh, nguyện vọng của các đương sự, ý kiến của con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy: cả hai đều trình bày có đủ điều kiện về kinh tế để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị L có xác nhận lương hơn 8 triệu đồng/tháng; từ khi vợ chồng ly thân hai con chung đang ở cùng anh T và ông bà nội, anh T thường xuyên đi làm ở xa, các con chung chủ yếu do ông bà nội hỗ trợ chăm sóc; các con chung đều có nguyện vọng ở với anh T. Do vậy, để đảm bảo điều kiện phát triển cho các con chung, cần giao cháu Nguyễn Vinh Q cho anh T, giao cháu Nguyễn Hải Đ giao cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về trách nhiệm cấp dưỡng: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, do các đương sự không yêu cầu. Hiện nay, cháu Nguyễn Hải Đ đang ở cùng với anh T, do đó, anh T có nghĩa vụ giao cháu Đ cho chị L để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị L và anh T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí

Toà án; Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: **Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Quốc T.**

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là cháu Nguyễn Vinh Q, sinh ngày 06-02-2014 cho anh Nguyễn Quốc T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 21-01-2017 cho chị Đặng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Hải Đ cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị L phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 3236 ngày 23-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh Nguyễn Quốc T phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả chị Đặng Thị L 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị L, anh Nguyễn Quốc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh+khu vực;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Nam Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thọ